

# CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM



**GIẢNG VIÊN: TS. TRẦN LONG**

**EMAIL: trlong60@gmail.com**

**MOBIL: 0918 292053**

**NGHIÊN CỨU: VĂN HOÁ & NGÔN NGỮ**

**CHUYÊN GIẢNG: TIẾNG VIỆT & VĂN HOÁ VIỆT NAM**

**MÔN GIẢNG: MỸ HỌC, VĂN HOÁ DÂN GIAN, VĂN  
HOÁ NÔNG THÔN, TRIẾT LÝ ÂM DƯƠNG, CƠ SỞ  
VĂN HOÁ VIỆT NAM, LÝ THUYẾT VĂN BẢN, DẪN  
LUẬN NGÔN NGỮ HỌC, TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH**

# CẤU TRÚC HỌC PHẦN

- ❑ PHẦN MỘT: CÁC VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN
- ❑ PHẦN HAI: NHÂN TỐ HÌNH THÀNH VĂN HOÁ VIỆT NAM
- ❑ PHẦN BA : CÁC LĨNH VỰC VĂN HOÁ VIỆT NAM
- ❑ PHẦN BỐN: TỔNG LUẬN VỀ VĂN HOÁ VIỆT NAM

# CHƯƠNG I : CÁC VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN

- ❑ **Thuật ngữ VĂN HOÁ**
- ❑ **Cấu trúc, chức năng của văn hoá**
- ❑ **Phân biệt “văn hoá” với các khái niệm liên quan**
- ❑ **VĂN HOÁ HỌC VÀ CƠ SỞ VĂN HOÁ**  
**(Culturology and Essential Culture)**

# Thuật ngữ văn hoá

**\* Hàng trăm định nghĩa về văn hoá, tại sao?**  
***[Lý do chuyên ngành nghiên cứu. Lý do ngôn ngữ]***

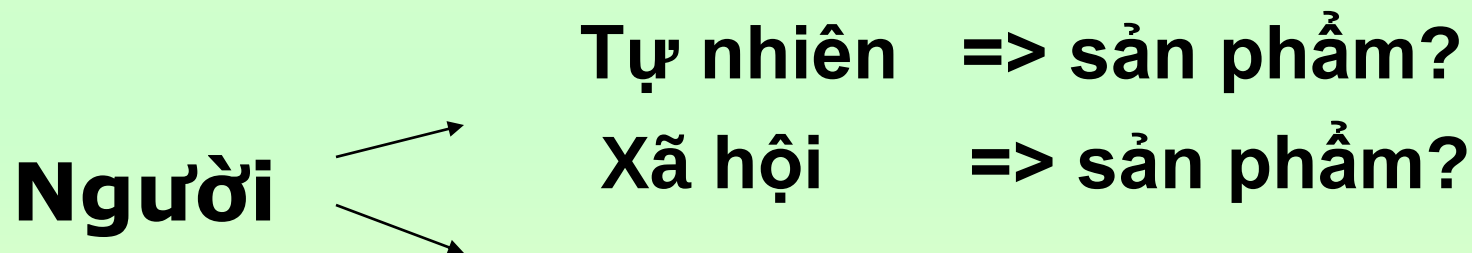
☛ **Lý do chuyên ngành**

- **Luật học**
- **Kinh tế học**
- **Xã hội học**
- **Dân tộc học**
- **Từ điển học ...**

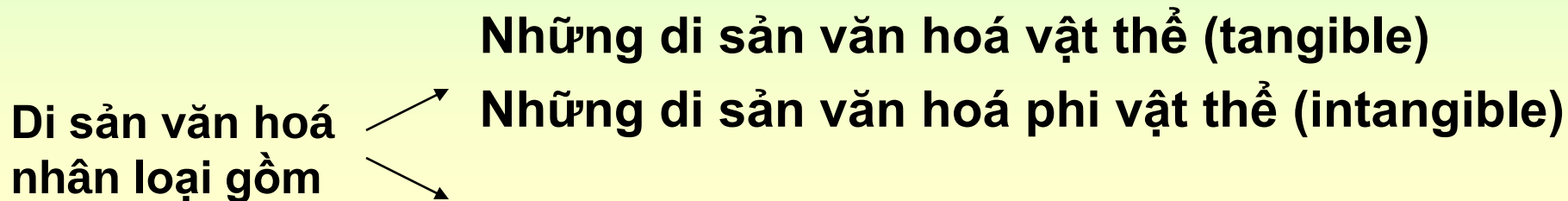
## ☛ Lý do ngôn ngữ học

\* **Văn hoá (danh từ): sản phẩm do con người tạo ra, theo quy luật cái đẹp, có lợi cho con người**

**Là kết quả tương tác giữa:**



**Theo UNESCO:**



- Văn hoá (động từ) là hoạt động giáo hoá con người bằng văn chương, lễ nghi, âm nhạc.
- Văn hoá theo nghĩa này thể hiện sự phát triển trong nhận thức của một bộ phận trí thức phong kiến tiến bộ so với tư tưởng của tầng lớp thống trị trong chế độ chiếm hữu nô lệ (chủ yếu dùng vũ lực để giáo hoá con người).

[Ở phương Tây, Cultural/ culture được dùng theo nghĩa hoạt động giáo hoá con người. Culture (văn hoá) có nghĩa “*khai khẩn tinh thần*”, “*canh tác đời sống tinh thần*” cho con người.

- Văn hoá (tính từ) là mức độ tiến bộ/văn minh của con người.
- Các phụ từ như: cao, thấp (văn hoá cao, văn hoá thấp), vô, thiếu (vô văn hoá, thiếu văn hoá) nhằm đánh giá mức độ tiến bộ/văn minh của mỗi con người.

Tóm lại, khi định nghĩa khái niệm văn hoá cần xác định hướng nghiên cứu cụ thể và từ loại ngữ pháp.

Thông thường, người ta định nghĩa văn hoá theo nghĩa từ điển học (là một danh từ)

***Văn hoá là toàn bộ những sản phẩm vật chất, phi vật chất và những quá trình hoạt động có giá trị của con người nhằm đáp ứng những đòi hỏi về đời sống vật chất và thoả mãn các nhu cầu về đời sống tinh thần.***

**“Văn hoá là sự tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”. (Hồ Chí Minh toàn tập, T. 3. NXB: Chính Trị Quốc Gia, HN, 1995, tr. 431).**

**\* Khi có trình độ học vấn cao  
chúng ta sẽ có mặt bằng  
văn hoá tương ứng**

**Đồng ý/ Không đồng ý ?**

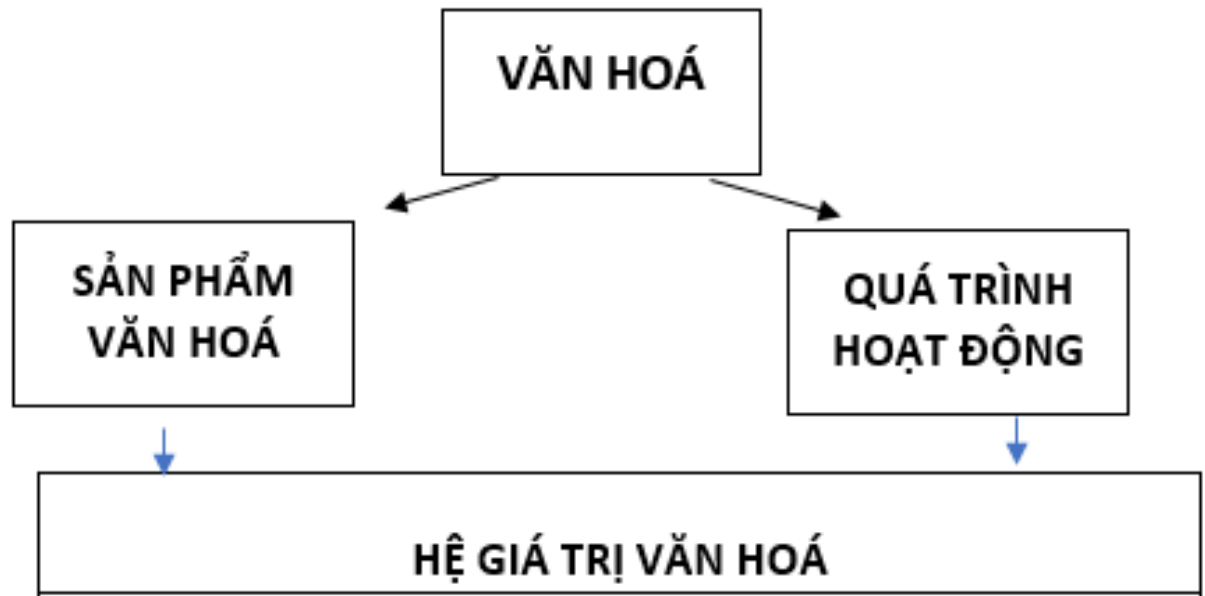
## **1.2. CẤU TRÚC, CHỨC NĂNG CỦA VĂN HOÁ**

- \*- Cấu trúc**
- \*- Các chức năng**

# CẤU TRÚC VĂN HOÁ THEO HƯỚNG TỔNG THỂ

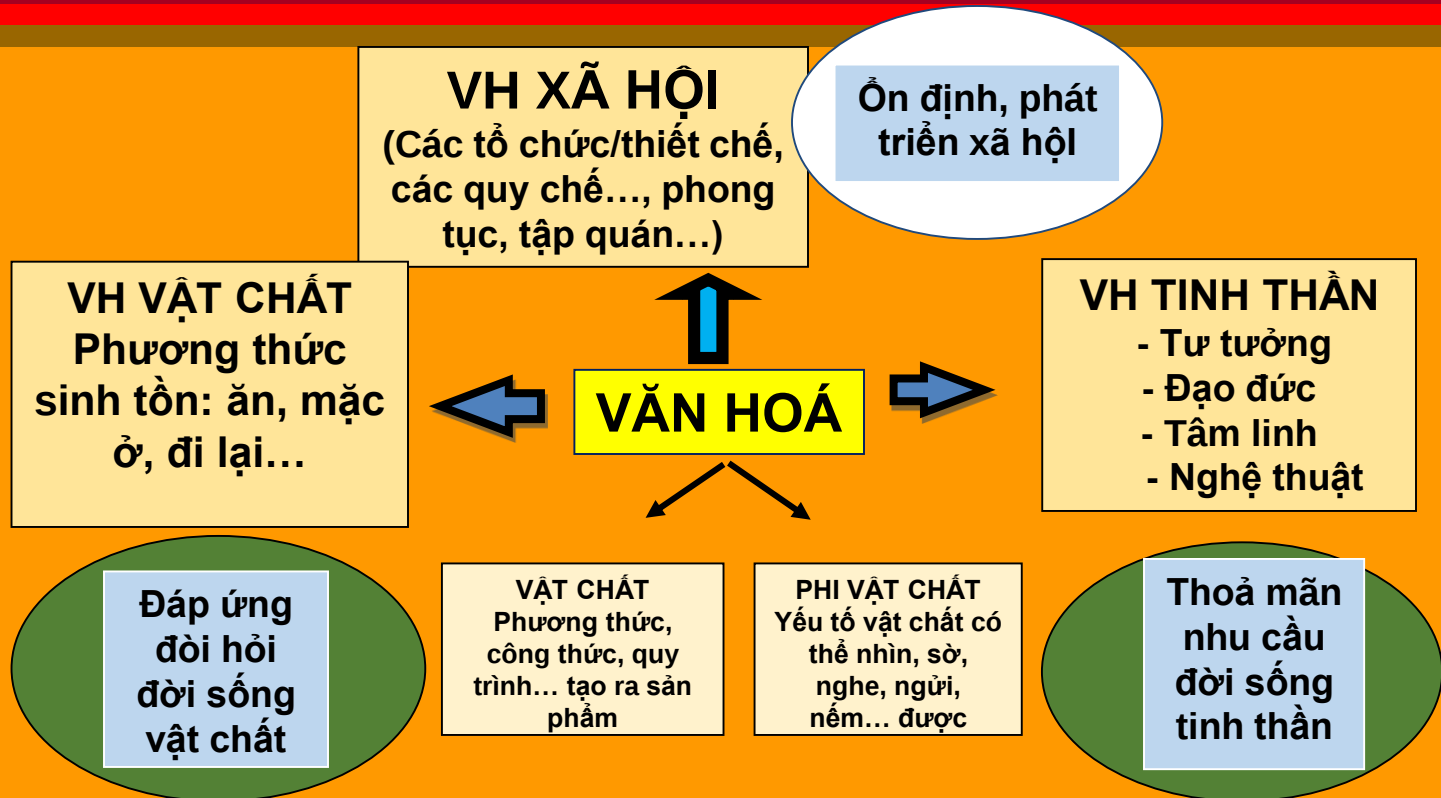
**Cấu trúc bề mặt**  
(surface structure)

**Cấu trúc sâu**  
(deep structure).



# CẤU TRÚC VĂN HOÁ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN BỘ PHẬN

## Cấu trúc theo sản phẩm văn hoá



# Cấu trúc theo hoạt động của chủ thể văn hoá

## VĂN HOÁ

### NHẬN THỨC

- Nhận thức tự nhiên
- Nhận thức xã hội

### TỔ CHỨC

- Tổ chức mưu sinh
- Tổ chức quản lý & sinh hoạt cộng đồng

### ỨNG XỬ

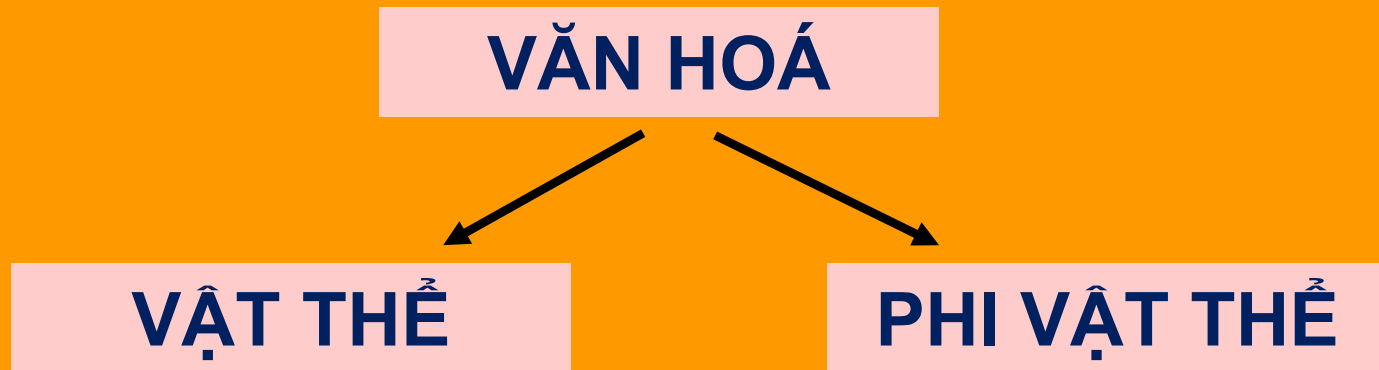
- Ứng xử với môi trường tự nhiên
- Ứng xử trong xã hội

### TÁI HIỆN

- Các loại hình nghệ thuật



# CẤU TRÚC VĂN HOÁ THEO DI SẢN



# TỔNG HỢP CẤU TRÚC VĂN HOÁ

|                 | Sản phẩm                                                                                                                                                        | Quá trình hoạt động                                                                                                                                                                                       |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cấu trúc bề mặt | <ul style="list-style-type: none"><li>- văn hoá vật chất + văn hoá tinh thần</li><li>- văn hoá vật thể + văn hoá phi vật thể</li><li>- Văn hoá xã hội</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức, văn hoá ứng xử, văn hoá quản lý, văn hoá ứng xử, văn hoá mưu sinh, văn hoá giáo dục, văn hoá sáng tạo nghệ thuật...</li></ul> |
| Cấu trúc sâu    | <b>Hệ giá trị</b><br>(hệ thống những thuộc tính mang lại lợi ích cho chủ thể)                                                                                   |                                                                                                                                                                                                           |

# CÁC CHỨC NĂNG CỦA VĂN HOÁ

- \*- Chức năng nhận thức**
- \*- Chức năng thẩm mĩ**
- \*- Chức năng giải trí**
- \*- Chức năng dự báo**
- \*- Chức năng giáo dục**

# 1.3. Phân biệt khái niệm văn hoá với các khái niệm liên quan

- ❑ *Văn minh : Những hiện tượng văn hoá có tầm cỡ nhân loại được phát sinh từ một xã hội đã được tích lũy về mọi mặt, đủ để tạo ra những bước nhảy vọt mới.*
- ❑ *Văn hiến : Văn hiến là những nét đẹp về tâm hồn, trí tuệ, phẩm cách của một dân tộc được nâng lên thành giá trị tinh thần và mang tính truyền thống.*
- ❑ *Văn vật : Những công trình, hiện vật có giá trị nghệ thuật và giá trị lịch sử, những danh nhân. Đó là những di tích lịch sử và nhân vật lịch sử.*

# 1.4. VĂN HOÁ HỌC VÀ CƠ SỞ VĂN HOÁ

- **1. Văn hoá học (Culturology)**
- **2. Cơ sở văn hoá  
(Essential culture)**

## 1.5. LOẠI HÌNH, VỊ TRÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM

### + Loại hình văn hoá Việt Nam

*Nông nghiệp lúa nước*

*Công nghiệp, dịch vụ (du lịch, thương nghiệp, ....)*

### + Vị trí, chủ nhân văn hoá Việt Nam

*Không gian, thời gian,*

*Chủ nhân*

| <b>Hình thái<br/>KT - XH</b>                      | <b>Phương thức<br/>kiếm sống</b>                     | <b>Loại hình văn hoá</b>                |
|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Nguyên thuỷ</b>                                | <b>Chiếm đoạt tự<br/>nhiên: săn bắt<br/>hái lượm</b> | <b>Săn bắt hái lượm</b>                 |
| <b>CHNL<br/>Phong kiến</b>                        | <b>Trồng trọt,<br/>chăn nuôi</b>                     | <b>Nông nghiệp, du<br/>mục</b>          |
| <b>Tư bản chủ<br/>nghĩa, xã hội<br/>chủ nghĩa</b> | <b>Sản xuất công<br/>nghiệp, dịch vụ</b>             | <b>Công nghiệp, văn<br/>hoá dịch vụ</b> |



Ranh giới phương Đông  
và phương Tây (văn hoá)

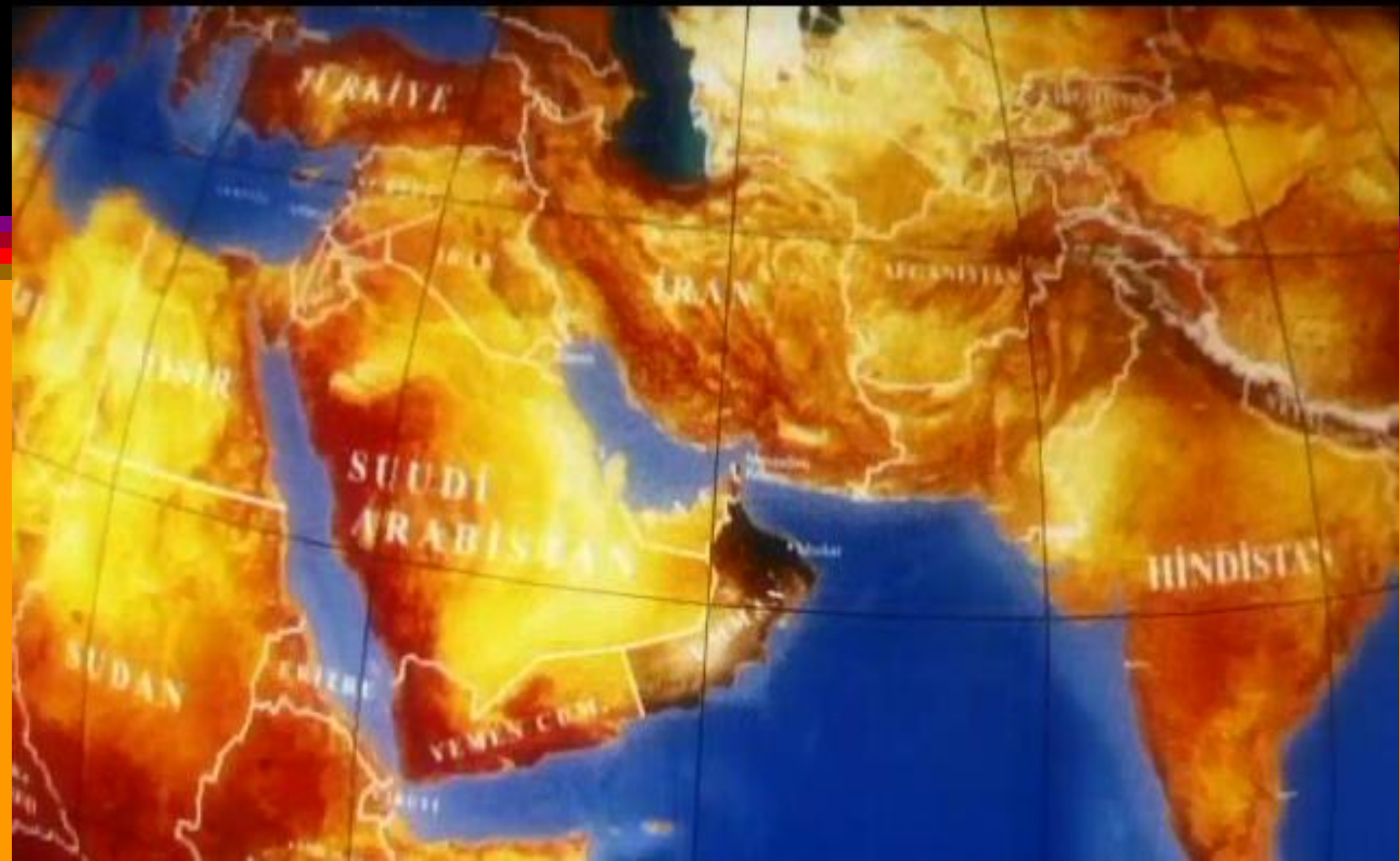
**Môi trường địa lí → Điều kiện sống**  
**→ Nhận thức, Tổ chức, Ứng xử, Sáng tạo nghệ thuật**  
**= > Đặc trưng VH**

**Môi trường (Địa – Kinh tế - Văn hoá)**

**Cắt dọc: Đông – Tây**

**Cắt ngang:**

| Vùng khí hậu                         | Đất đai                                     | Kinh tế-VH                   |
|--------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------|
| Xích đới, nhiệt đới<br>Cận nhiệt đới | Hoang mạc khô hanh                          | Du mục đá cát                |
|                                      | Châu thổ (đất bùn)                          | NN lúa nước                  |
| Ôn đới                               | Bình nguyên (đất khô)<br>Thảo nguyên ôn hoà | NN lúa khô<br>Du mục đồng cỏ |
| Hàn đới, địa cực                     | Hoang mạc khô lạnh                          | Du mục băng tuyết            |



## Du mục Trung Đông và Tây Á







SAKHA REPUBLIC (YAKUTIA)

**RT**

MOSCOW

**WINTER TEMPERATURES IN SAKHA  
DROP AS LOW AS MINUS 70 CELSIUS**

# Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á

Brunei  
Campuchia  
Đông Timor  
Indonesia  
Malaysia  
Mianma  
Lao  
Philippin  
Singapore  
Thailand  
Vietnam

11



## **Loại hình văn hoá nông nghiệp Việt Nam**

- **Cơ sở xác định: Địa hình và khí hậu Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng thích hợp cho nghề trồng lúa nước (đất phù sa + nước ngọt + nắng nóng).**
- **Cung cách sống bằng nghề nông đã hình thành nên văn hoá nông nghiệp lúa nước.**

# Loại hình văn hoá nông nghiệp Việt Nam

*\* Đặc trưng: hòa hợp và tôn trọng tự nhiên, định cư, ứng xử mềm dẻo, hiếu hòa, trọng tình cảm, trọng văn, trọng đức, trọng phụ nữ, trọng kinh nghiệm, trọng tuổi già, trọng tập thể, ...*

*\* Biểu tượng: cây lúa nước, con trâu, nhà sàn, làng bản, tín ngưỡng phồn thực, ...*

- ❑ So với các nước trong khu vực, Việt Nam là một Đông Nam Á thu nhỏ.
- ❑ Văn hoá Việt Nam tiêu biểu cho loại hình văn hoá nông nghiệp lúa nước.

# **VỊ TRÍ, CHỦ NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM**

- KHÔNG GIAN VĂN HOÁ VIỆT NAM**
- THỜI GIAN VĂN HOÁ VIỆT NAM**
- CHỦ NHÂN VĂN HOÁ VIỆT NAM**

# CHỦ NHÂN VĂN HOÁ VIỆT NAM

**XÉT TRONG QUÁ TRÌNH  
HÌNH THÀNH  
CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM**

# THEO DÂN TỘC HỌC



Chủng AUSTRALOID

+

Chủng MONGOLOID

Chủng INDONÉSIEN  
(=Cổ Mã Lai, ĐNÁ tiền sử)

AUSTRONÉSIEN

AÚSTROASIATIC  
(NAM Á, BÁCH VIỆT)

Nhóm CHÀM,  
các tộc  
sống dọc  
Trường Sơn

Nhóm  
Mon-Khmer

Nhóm Việt-  
Mường

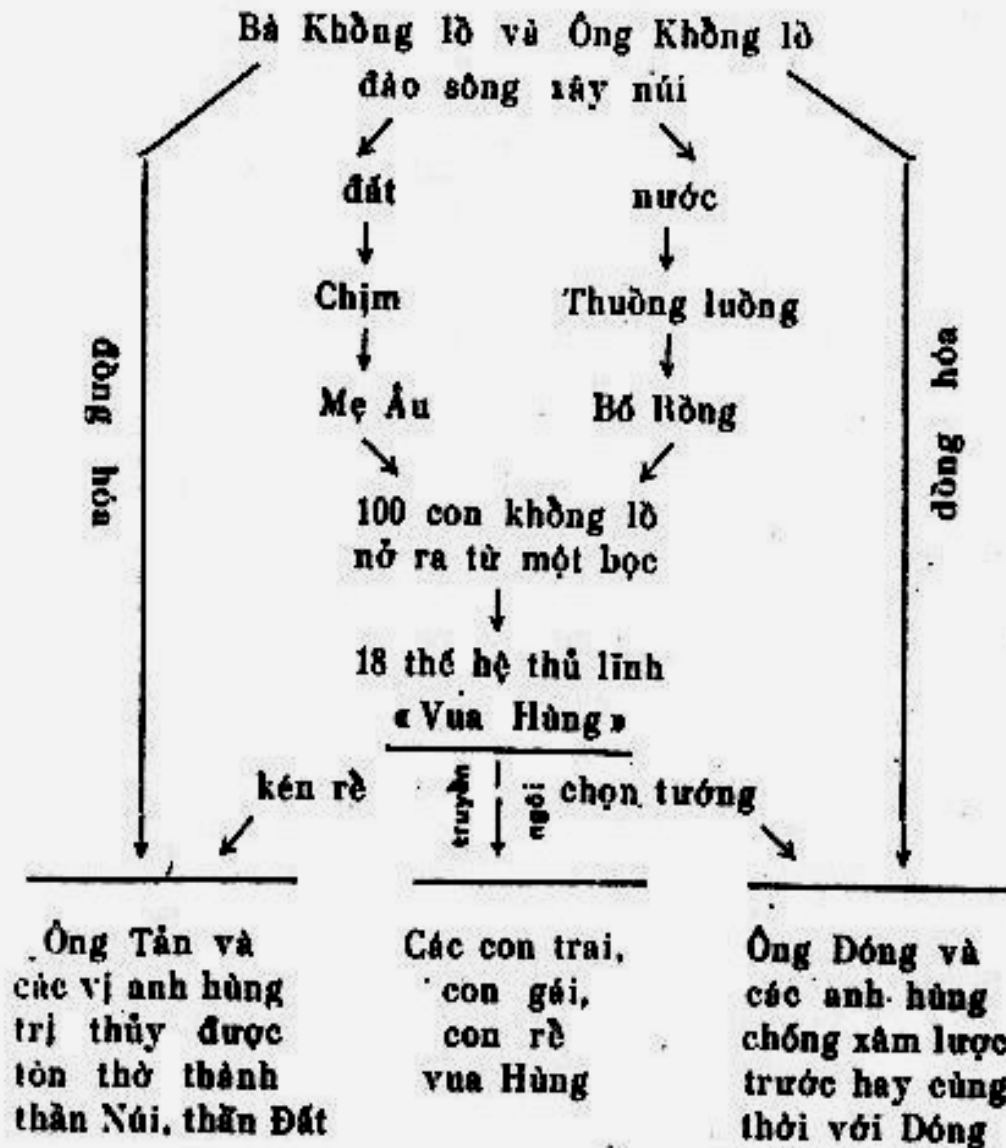
Nhóm  
Tày-Thái

Nhóm  
Mèo-Dao

Khoảng TK IX →

VIỆT, MƯỜNG, CHỨT

# TỘC VIỆT THEO THẦN THOẠI VÀ SỬ CA VIỆT CỔ



(Phỏng theo CAO HUY ĐÌNH)

**THEO TRUYỀN THUYẾT HỒNG BÀNG TH!**



# **Không gian văn hoá Việt Nam**

**1. Theo truyền thuyết “Hồng Bàng thị”:  
Không gian văn hoá người Việt cổ  
thuộc nước Xích Quỷ (Bắc giáp Hồ  
Đông Đình, Nam giáp nước Hồ Tôn,  
Tây giáp nước Ba Thục, Đông giáp  
biển Nam Hải)**

# Không gian nước Xích Quỷ



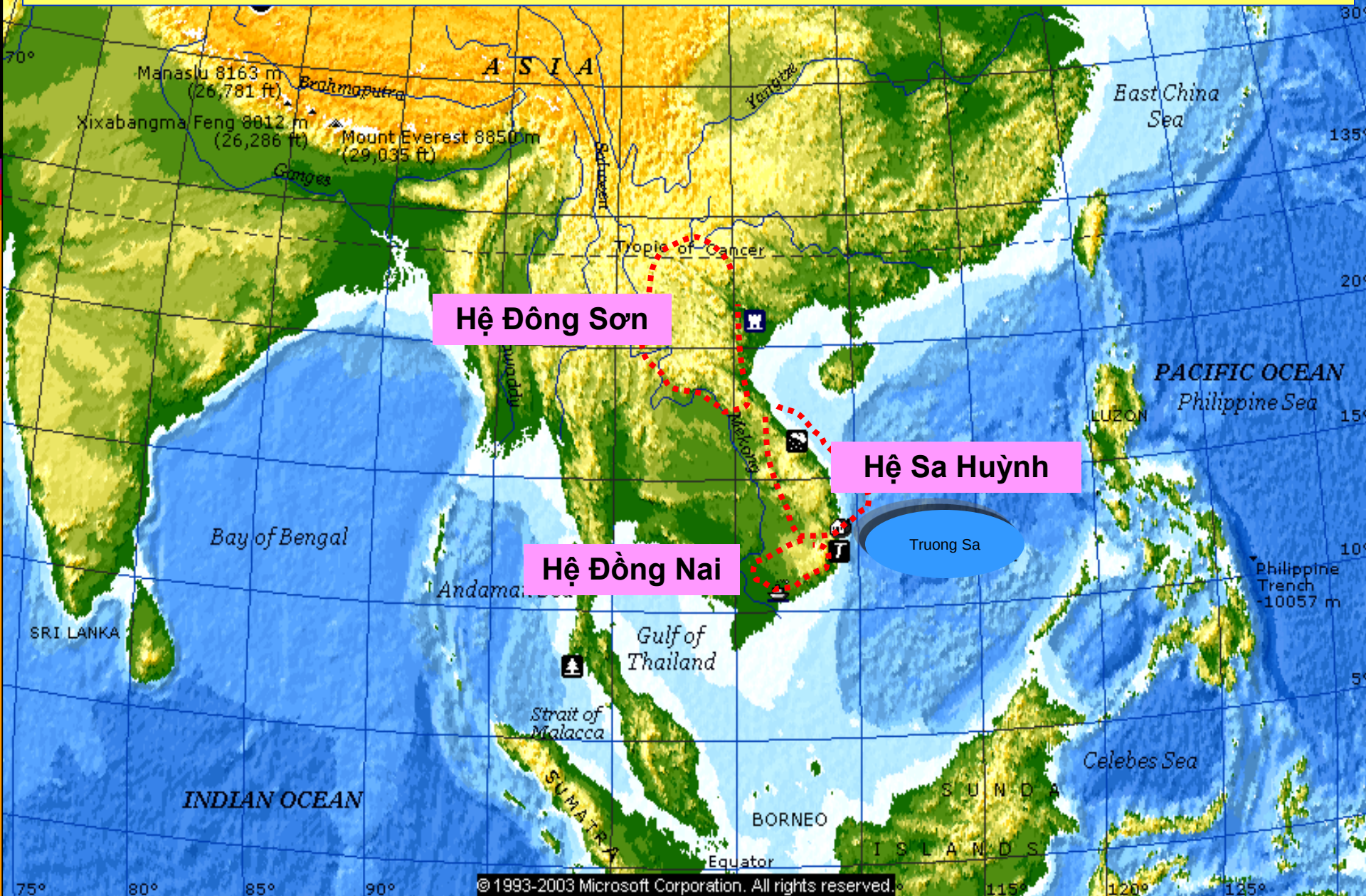
# Người Hoa Hạ



# THEO NGÀNH KHẢO CỔ HỌC

- 2. Theo khảo cổ học: Không gian văn hoá Việt cổ gồm 3 phức hệ:**
- Văn hoá Đông Sơn (núi Đọ, Sơn Vi, Hoà Bình, Đông Sơn)**
  - Văn hoá Sa Huỳnh**
  - Văn hoá Đồng Nai**

# Không gian văn hoá Việt Nam (khảo cổ học)



Hệ Đông Sơn

Hệ Sa Huỳnh

Hệ Đồng Nai

Truong Sa

### 3. Theo ngành sử học Việt Nam

Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* :

1. **Vũ Định (sau là Thái Nguyên, Cao Bằng)**
2. **Văn Lang (sau là Phong Châu)**
3. **Chu Diên (sau là Sơn Tây)**
4. **Phúc Lộc (sau là Sơn Tây)**
5. **Tân Hưng (sau là Hưng Hóa, Tuyên Quang)**
6. **Lục Hải (sau là Lạng Sơn)**
7. **Vũ Ninh (sau là Bắc Ninh)**
8. **Bình Văn (chưa rõ ở đâu)**
9. **Ninh Hải (sau là Quảng Yên)**
10. **Giao chỉ (sau là Hà Nội, Hà Đông, Nam Định, Hưng Yên)**
11. **Dương Tuyền (sau là Hải Dương)**
12. **Cửu Chân (sau là Thanh Hóa)**
13. **Hoài Hoan (sau là Nghệ An)**
14. **Cửu Đức (sau là Hà Tĩnh)**
15. **Việt Thường (nay là Thuận Hóa, Quảng Nam)**



Ranh giới Văn Lang

Vũ Định

Lục Hải

Văn Lang

Chu Diên

Tân Hưng

Phúc Lộc

Ninh Hải

Vũ Ninh

Dương Tuyền

Giao Chỉ

Cử chân

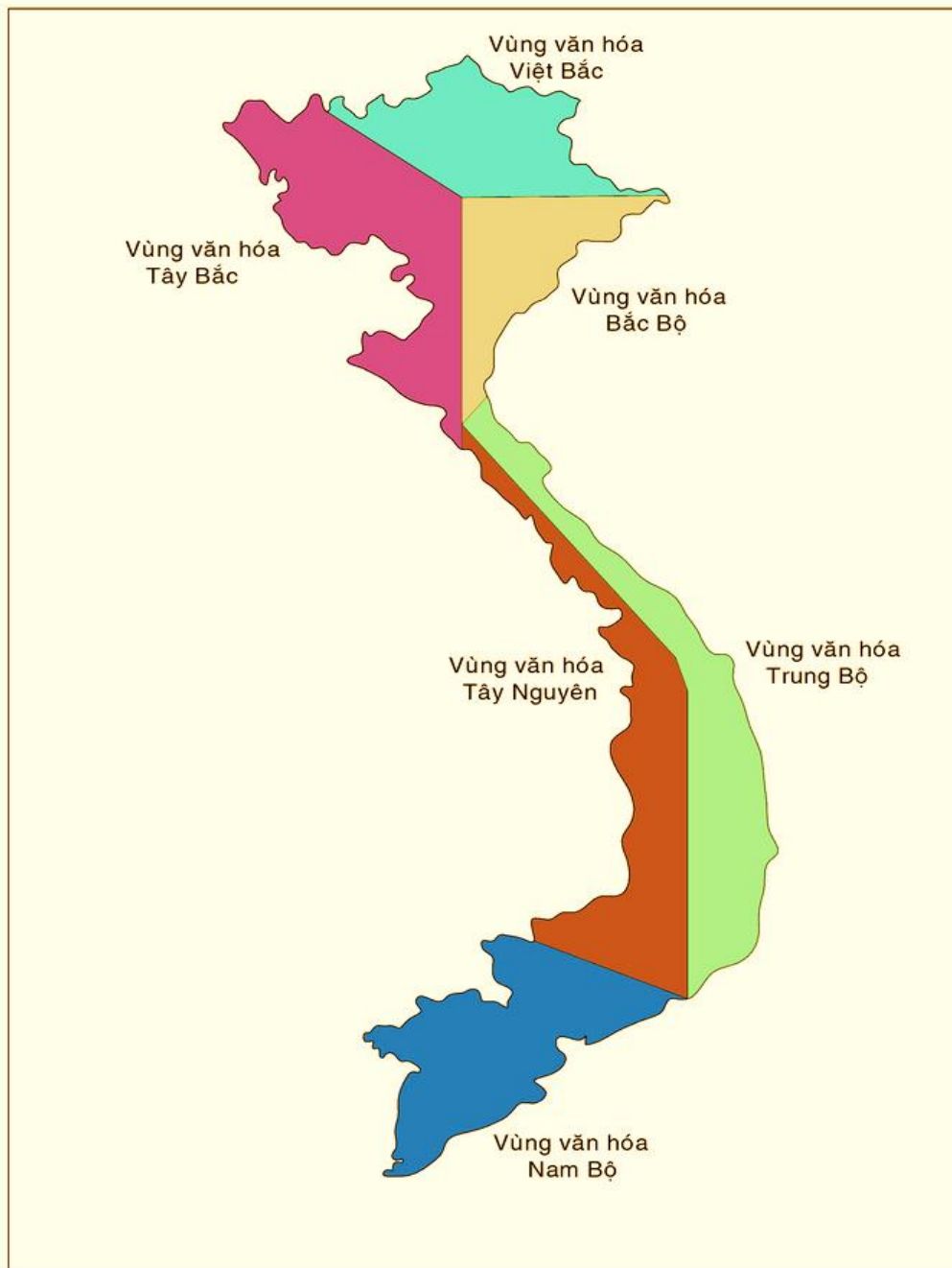
Hoài Hoan

Cử Đức

Việt Thường

Bình Văn ?

**Không  
gian  
văn  
hóa  
Việt  
Nam  
Hiện  
nay**



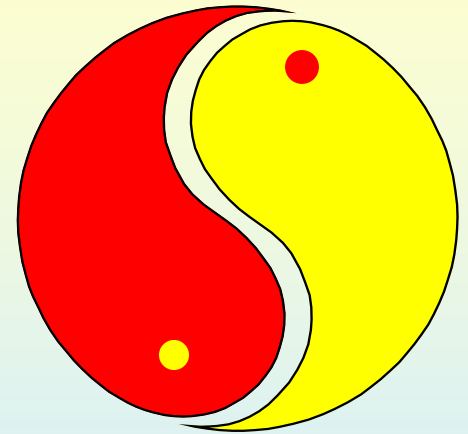
# Tiêu chí khảo sát 6 vùng văn hoá

- ❑ Địa giới hành chính (tương đối)
- ❑ Chủ thể
- ❑ Kinh tế
- ❑ Nhà ở
- ❑ Trang phục
- ❑ Văn hoá nghệ thuật
- ❑ Đời sống tâm linh

# Thời gian văn hoá Việt Nam

| 3 LỚP VĂN HÓA VIỆT NAM                          | 6 GIAI ĐOẠN VĂN HÓA VIỆT NAM           |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------|
| LỚP VĂN HÓA BẢN ĐỊA                             | 1. Giai đoạn văn hóa tiền sử           |
|                                                 | 2. Giai đoạn văn hóa Văn Lang – Âu Lạc |
| LỚP VĂN HÓA GIAO LƯU TRONG KHU VỰC              | 3. Giai đoạn văn hóa chống Bắc thuộc   |
|                                                 | 4. Giai đoạn văn hóa Đại Việt          |
| LỚP VĂN HÓA GIAO LƯU VỚI PHƯƠNG TÂY VÀ THẾ GIỚI | 5. Giai đoạn văn hóa Đại Nam           |
|                                                 | 6. Giai đoạn văn hóa Cách mạng         |

- ❑ **VĂN HOÁ NHẬN THỨC**
- ❑ **VĂN HOÁ TỔ CHỨC**
- ❑ **VĂN HOÁ ỨNG XỬ**
- ❑ **VĂN HOÁ TÁI HIỆN**



**-> thể hiện quan hệ ứng xử giữa con người với tự nhiên và xã hội**

## **CHƯƠNG II: VĂN HOÁ NHẬN THỨC**

### **NHẬN THỨC THỰC NGHIỆM và NHẬN THỨC SIÊU NGHIỆM**

# **NHẬN THỨC THỰC NGHIỆM**

**Triết lý cổ điển: Triết lý Âm Dương**  
**Triết học hiện đại: Học thuyết Mác-Lênin**

## **NHẬN THỨC SIÊU NGHIỆM**

**Tín ngưỡng và tôn giáo**

# **Triết lí cổ điển: Thuyết Âm Dương**

## **Sự hình thành triết lý Âm Dương**

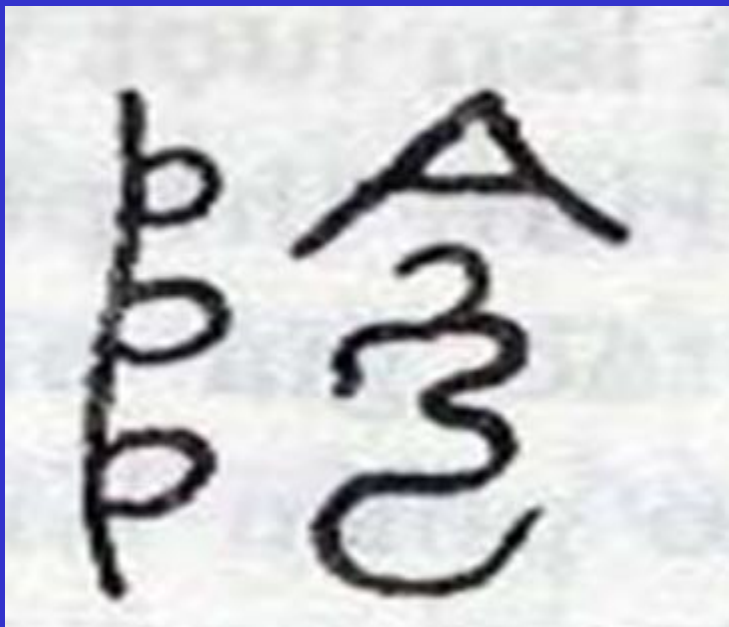
Quả đất quay -> hai thứ khí:

**thứ khí có hơi ấm mặt trời (Dương)**

**&**

**thứ khí không có hơi ấm mặt trời (Âm)**

Âm



Dương



# Âm Dương

**Dương**

**Ngày**

**Sáng**

**Nóng**

**Khô**

**Động (Phong)**

**Âm**

**Đêm**

**Tối**

**Lạnh**

**Ẩm ướt**

**Tĩnh (Thủy)**

# **Các nguyên lý của tư duy âm dương**

**Đối lập – Bình hành – Hỗ căn – Tiêu trưởng**

# **Tỉ lệ, quan hệ, thuộc tính âm dương**

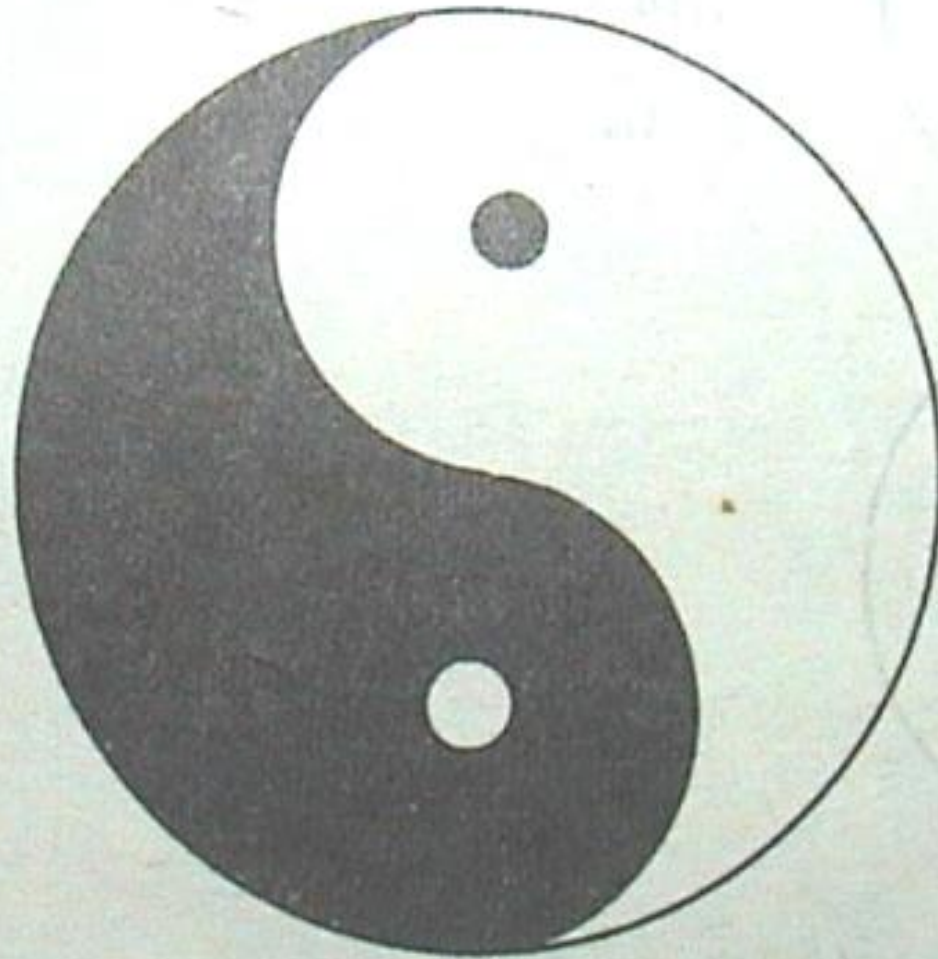
- Tỉ lệ giữa dương và âm là  $3/2$ , tạo động lực cho sự vận động và chuyển hoá trong các sự vật hiện tượng.
- Âm dương là hai mặt đối lập nhưng không triệt tiêu lẫn nhau
- Âm dương cùng tồn tại trong một thể thống nhất.
- Âm dương đối lập nhưng cùng chuyển hoá cho nhau theo hướng vận động trên thể luôn giữ cân bằng.
- Xác định thuộc tính âm dương của một sự vật hiện tượng phải dựa vào nguyên lý đối lập và thuộc tính từng mặt cụ thể của sự vật hiện tượng.

# BIỂU TƯỢNG ÂM DƯƠNG

Màu sắc: Đen /trắng, Xanh/đỏ, ...

Hình dạng: vuông/tròn, đứt/liền, đặc/rỗng, dấu trừ/dấu cộng

Đồ hình:



Kiểu hình thái cực cận đại

# **HAI HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT LÝ ÂM DƯƠNG**

- Âm dương Bát Quái**
- Âm dương Ngũ Hành**

# **Nhận thức vũ trụ theo mô hình Âm Dương-Tam Tài- Ngũ Hành**

A diagram showing a yellow sky dome labeled "Trời" (Sky) above a white ground surface. The dome is a simple arc representing the horizon.



# ① Nhận thức trực cao – sâu: Mô hình Tam Tài

*Tam Tài*

*Nguyên lý Âm Dương*

Trời



Người



Đất

Thiên



Nhân



Địa



Con người đặt trong mối quan hệ giữa trời và đất, phía trên chịu tác động của trời, phía dưới chịu sự tác động của đất.

*Đất -Trời -Người là ba nguyên lực của sự sống quả đất.*

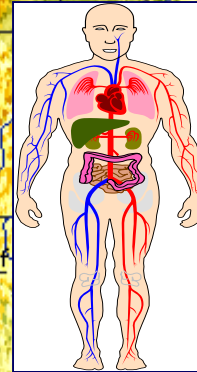
*Từ nhận thức về tự nhiên, Tam Tài trở thành phép suy luận bộ ba có tính biện chứng : lửa - đất - nước, cha - mẹ - con, trên – giữa – dưới*

**BẮC**

**TÂY**

**ĐÔNG**

**NAM**

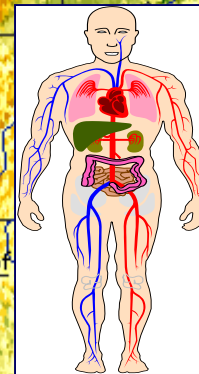


**Nhận thức thời khí của cư dân Nam Á**

**ĐÔNG**

**THU**

**XUÂN**



**HẠ**

**Nhận thức thời khí của cư dân Nam Á**

THỦY

KIM

THỔ

MỘC

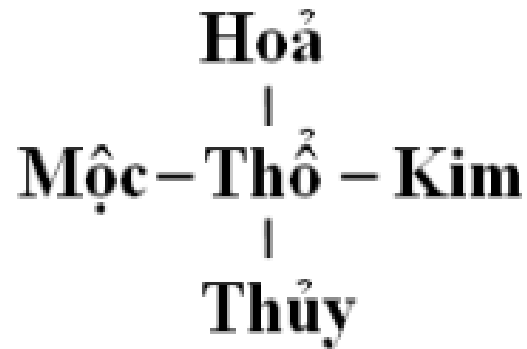
HOẢ

Ngũ Hành trong nhận thức của cư dân Nam Á

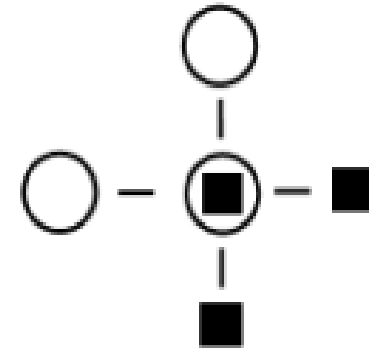
| Ngũ Hành<br>Các yếu tố | Thủy        | Mộc     | Hoả  | Thổ        | Kim   |
|------------------------|-------------|---------|------|------------|-------|
| Mùa                    | Đông        | Xuân    | Hạ   | Tứ quý     | Thu   |
| Phương hướng           | Bắc         | Đông    | Nam  | Trung ương | Tây   |
| Màu                    | Đen         | Xanh    | Đỏ   | Vàng       | Trắng |
| Hình thể               | Ngoằn ngoèo | Dài dài | Nhọn | Vuông      | Tròn  |
| Vật biểu               | Rùa         | Rồng    | Chim | Người, khí | Hổ    |

## ② Mô hình Ngũ Hành: Nhận thức trực ngang - dọc

Ngũ Hành

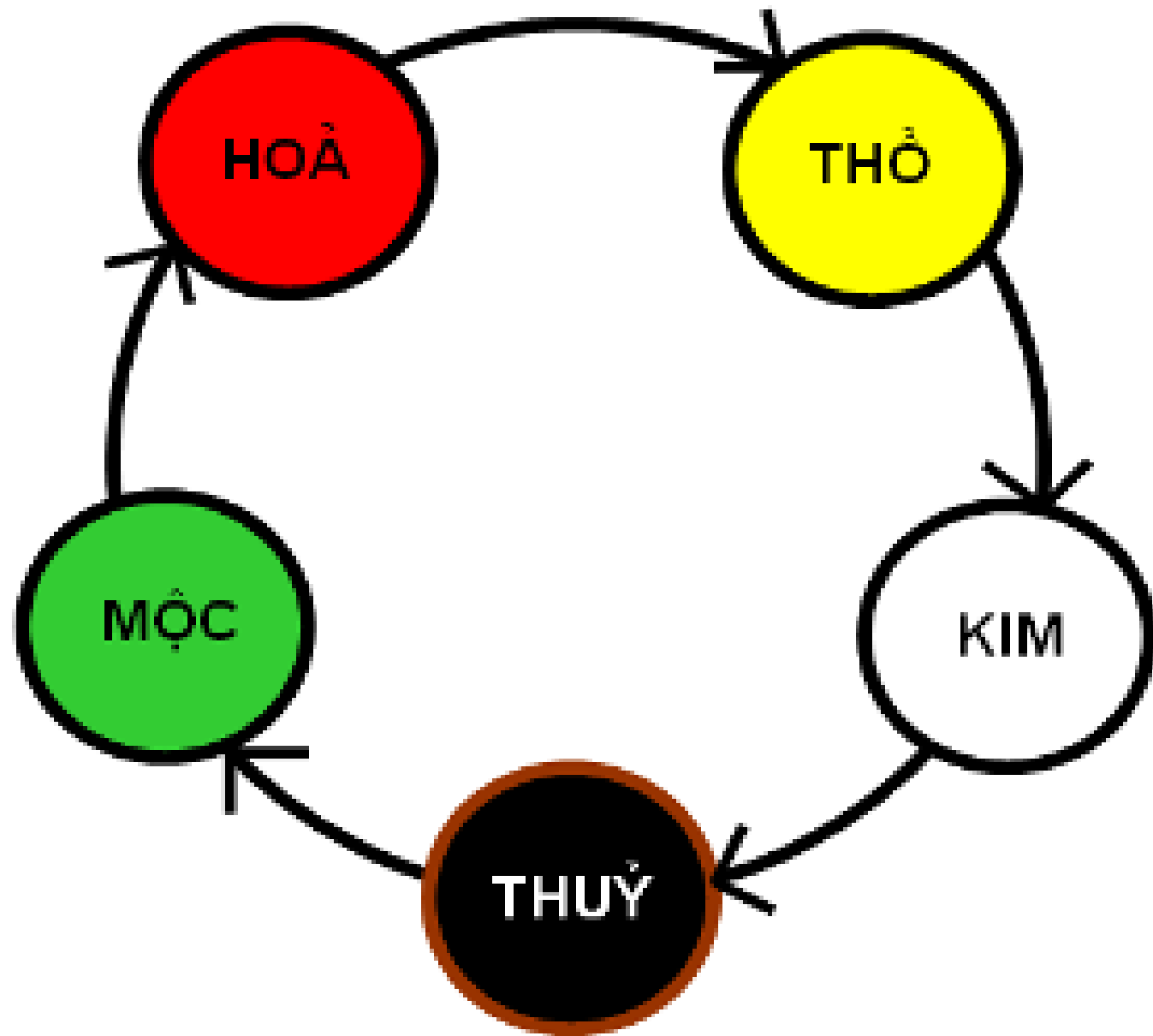


Nguyên lý Âm Dương

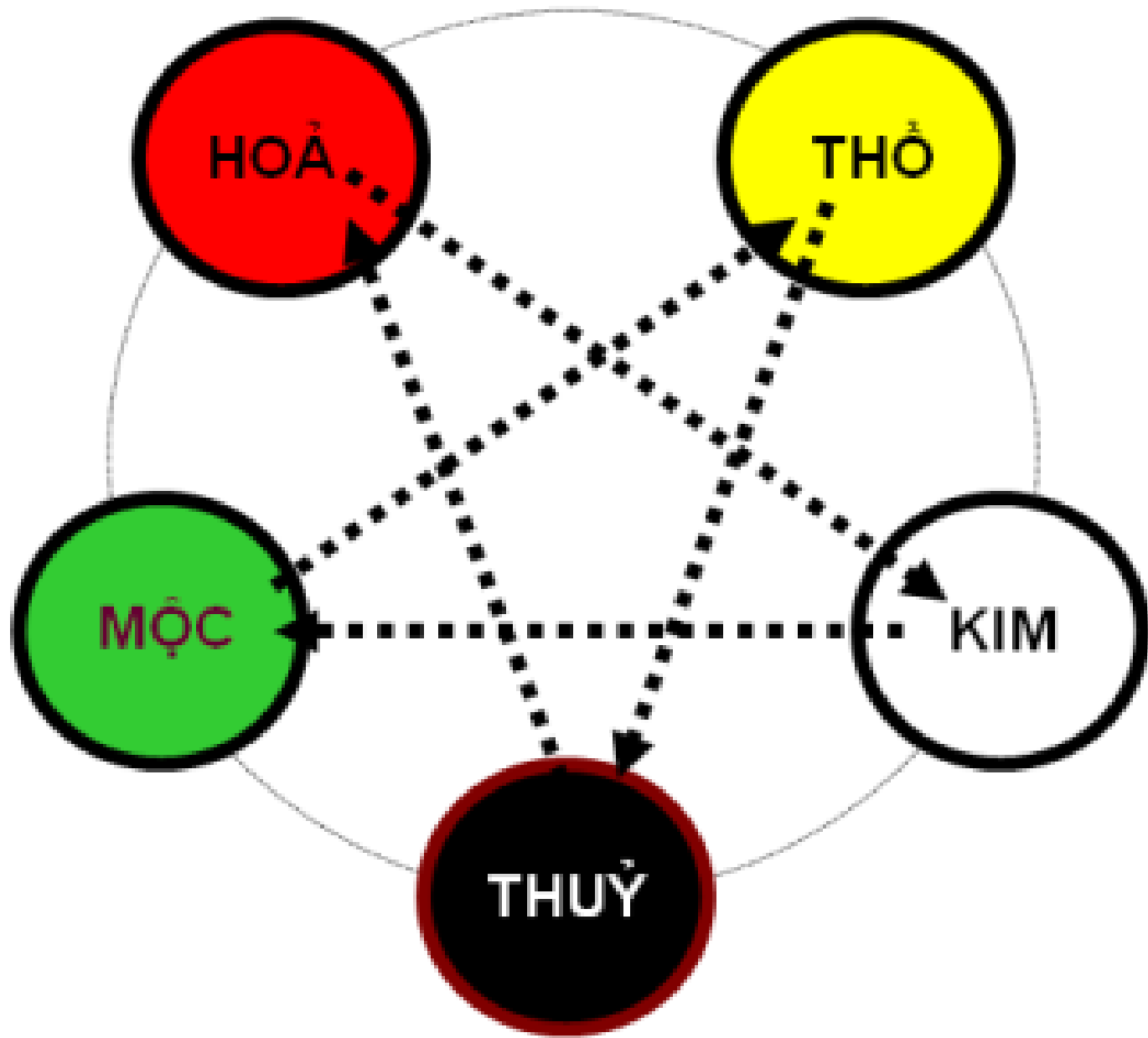


- \* **Hành là một khái niệm có tính khái quát cao. Mỗi hành là một chùm gồm các yếu tố, các chức năng có cùng bản chất Âm Dương, luôn vận động. Ngũ Hành, vì thế có sức giải thích rất lớn, nhất là giải thích tự nhiên theo trực ngang - dọc**

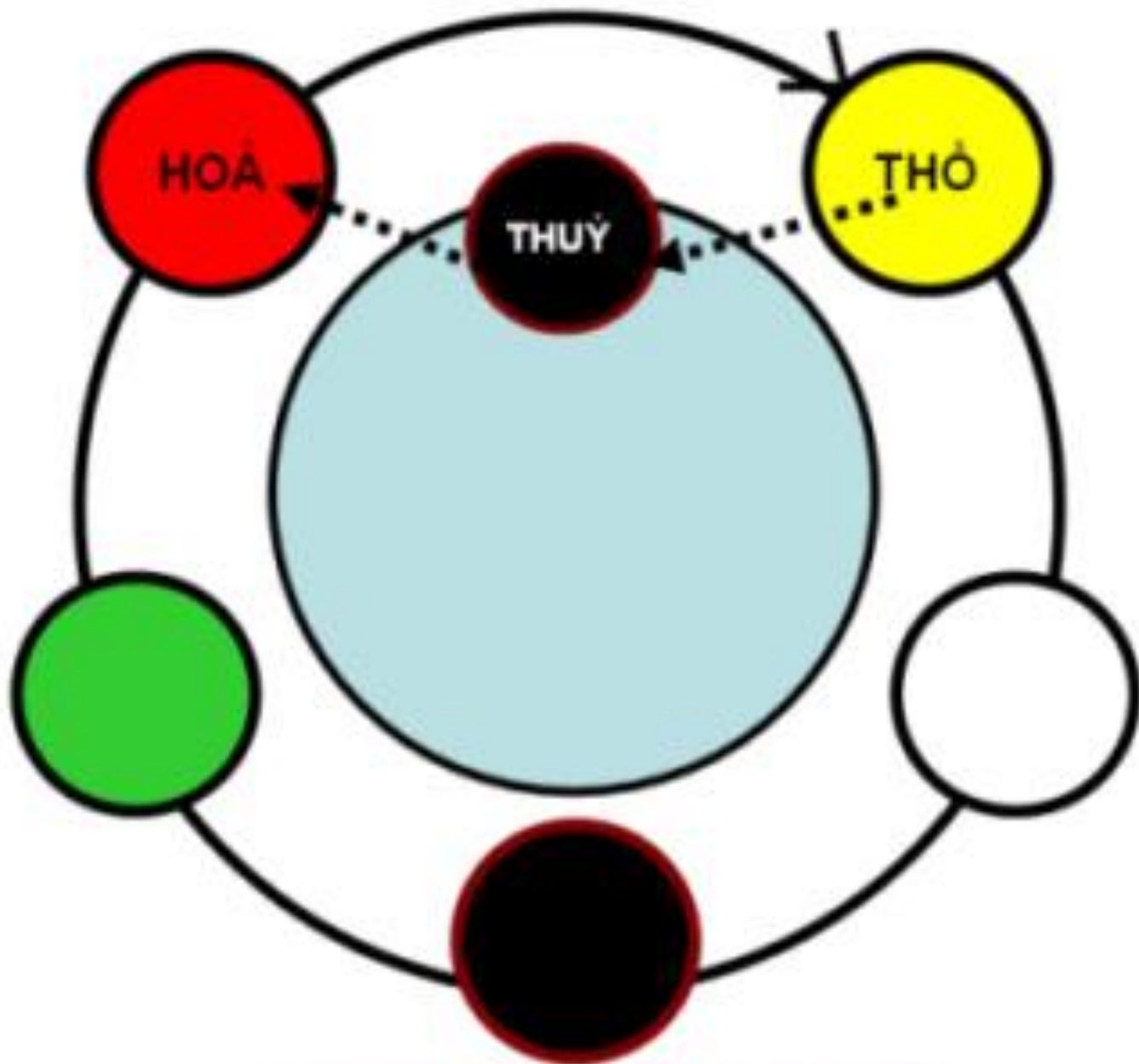
# CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG NGŨ HÀNH



**NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH**

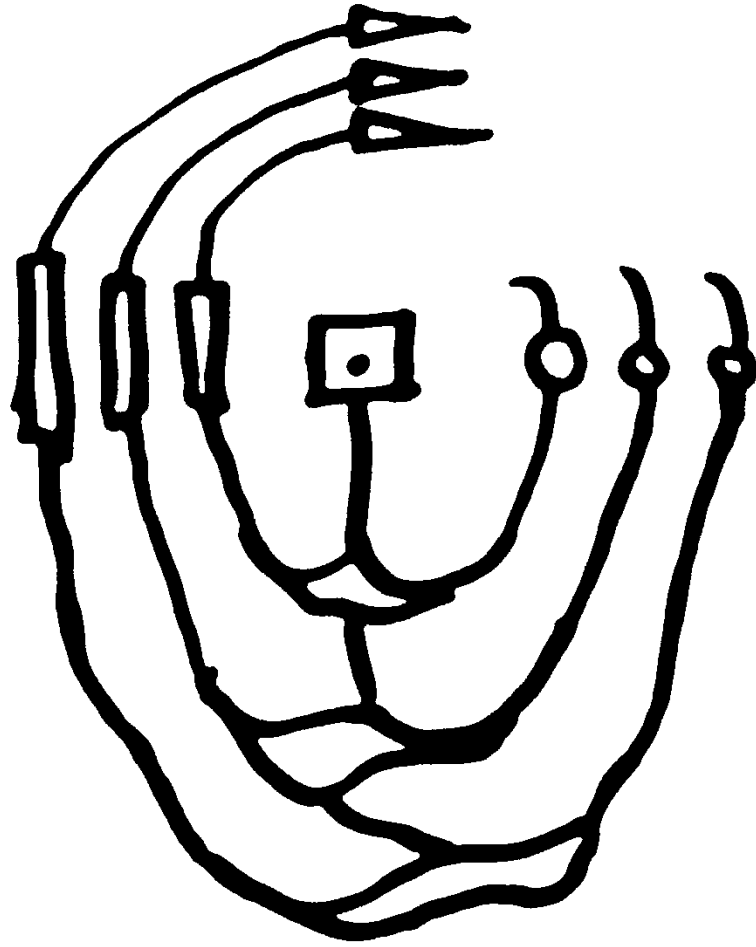


NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC



QUAN HỆ CHẾ HOÁ

# Thế đất hội đủ Ngũ Hành



# **NHẬN THỨC THỜI GIAN THEO ÂM DƯƠNG**

## **LỊCH ÂM DƯƠNG & HỆ CAN CHI**

# LỊCH ÂM DƯƠNG

- Lịch Âm và lịch Dương  
trên thế giới
- Lịch Âm Dương ở Nam Á

## □ Lịch Dương

- Hình thành ở lưu vực sông Nil,
- Sản phẩm của người Ai Cập cổ đại,
- 1 năm có 365,25 ngày (1 ngày = 100 khắc)

## □ Lịch Âm

- Hình thành ở lưu vực sông Tigrit và Euphrate,
- Sản phẩm của người Xu me
- 1 năm có 354, 1 tháng có 29,53 ngày

# Dương lịch

- Trái đất quay  $\Rightarrow$  thay đổi khí hậu
- 1 khí = 3 hậu, 1 hậu = 5 ngày. Khí hậu  $\sim$  14 (15) ngày
- 1 năm có 12 tháng.  $12 \times 30 : 15$  ngày  $\Rightarrow$  24 (lần thay đổi)

# Âm lịch

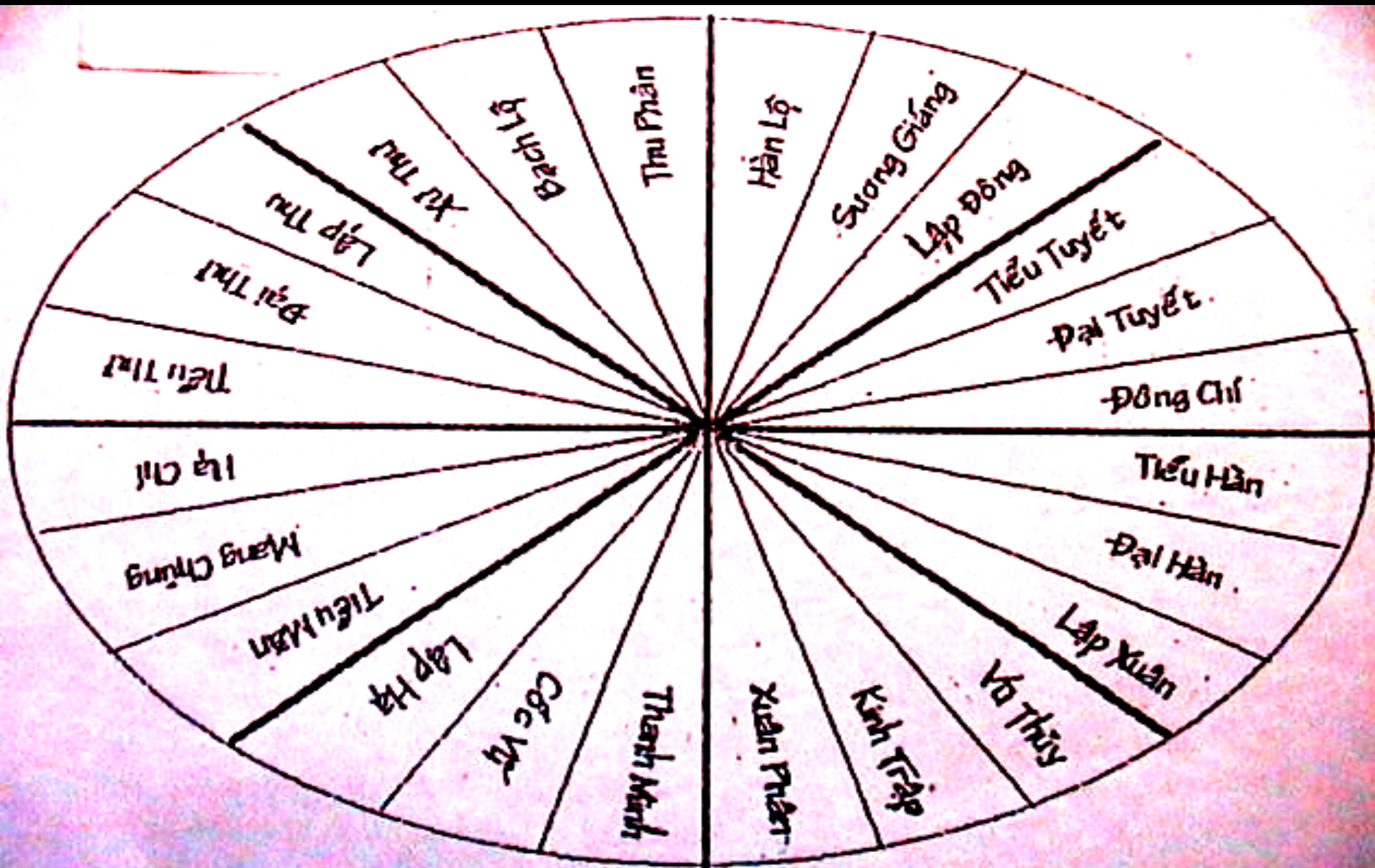
- 1 tháng có ngày sóc, ngày vọng
- 1 tháng tượng trăng thay đổi theo ngày  $\Rightarrow$  1 lần trăng tròn với chu kỳ 29,53 ngày

# LỊCH ÂM DƯƠNG

**24 tiết theo Dương lịch**

**Các ngày và tháng theo âm lịch**

# 24 tiết thuộc khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới



|      |      |                         |       |      |                        |
|------|------|-------------------------|-------|------|------------------------|
| 4/02 | 315° | Lập xuân (đầu xuân)     | 20/02 | 330° | Vũ thủy (ẩm ướt)       |
| 6/03 | 345° | Kinh trập (sâu nở)      | 21/03 | 0°   | Xuân phân (giữa xuân)  |
| 3/04 | 15°  | Thanh minh (trong sáng) | 21/04 | 30°  | Cốc vũ (mưa rào)       |
| 6/05 | 45°  | Lập hạ (đầu hè)         | 22/05 | 60°  | Tiểu mãn (lúa xanh)    |
| 6/06 | 75°  | Mang chủng (lúa trổ)    | 22/06 | 90°  | Hạ chí (giữa hè)       |
| 8/07 | 105° | Tiểu thử (nắng vừa)     | 23/07 | 120° | Đại thử (nắng to)      |
| 8/08 | 135° | Lập thu (đầu thu)       | 24/08 | 150° | Xử thử (mưa ngâu)      |
| 8/09 | 165° | Bạch lộ (nắng yếu)      | 23/09 | 180° | Thu phân (giữa thu)    |
| 8/10 | 195° | Hàn lộ (mát mẻ)         | 24/10 | 210° | Sương giáng            |
| 8/11 | 225° | Lập đông (đầu đông)     | 23/11 | 240° | Tiểu tuyết (tuyết nhẹ) |
| 8/12 | 255° | Đại tuyết (tuyết nhiều) | 22/12 | 270° | Đông chí (giữa đông)   |
| 6/01 | 285° | Tiểu hàn (chớm lạnh)    | 21/01 | 310° | Đại hàn (lạnh giá)     |

# HỆ ĐẾM CAN CHI

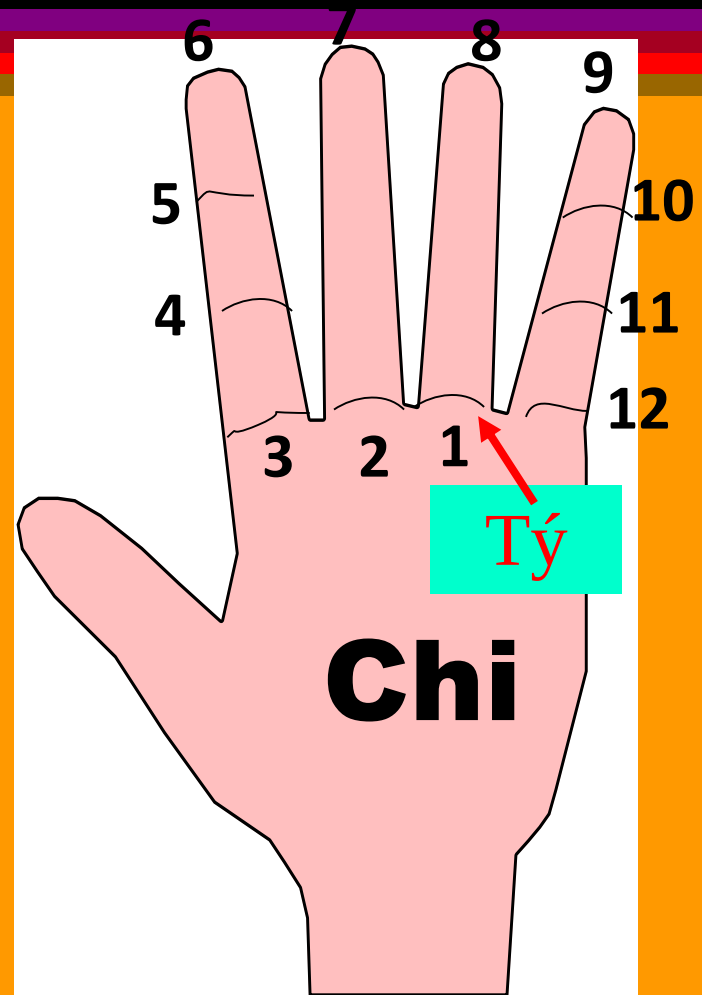
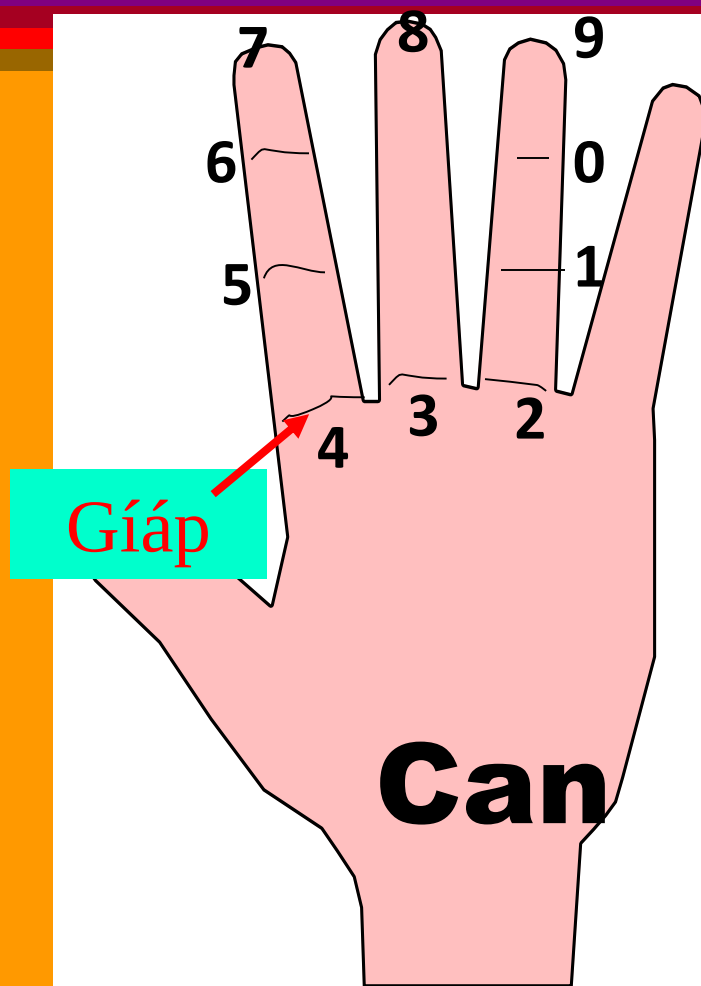
## ▣ Thập thiên Can thuộc dương

| Giáp | Ất | Bính | Đinh | Mậu | Kỷ | Canh | Tân | Nhâm | Quý |
|------|----|------|------|-----|----|------|-----|------|-----|
| 4    | 5  | 6    | 7    | 8   | 9  | 0    | 1   | 2    | 3   |

## ▣ Thập nhị địa Chi thuộc âm

| Tý | Sửu | Dần | Mão | Thìn | Tỵ | Ngọ | Mùi | Thân | Dậu | Tuất | Hợi |
|----|-----|-----|-----|------|----|-----|-----|------|-----|------|-----|
| 1  | 2   | 3   | 4   | 5    | 6  | 7   | 8   | 9    | 10  | 11   | 12  |

# Can chi trên bàn tay trái



## ❑ **Đổi năm Dương lịch → năm Can Chi**

$$C = d[(D-3):12]$$

$$C = d[(D-3):60]$$

- ❑ **C = năm Can-Chi**
- ❑ **D = năm Dương lịch**
- ❑ **d = số dư của phép chia**

# Bảng kết hợp can chi

| <b>Chi</b><br><b>Can</b>       | <b>Tí</b><br>+<br>_ | <b>S</b><br>+<br>_ | <b>Dần, M</b><br>+<br>_ | <b>Thìn, Tỵ</b><br>+<br>_ | <b>Ngọ, M</b><br>+<br>_ | <b>Thân, D</b><br>+<br>_ | <b>Tuất, H</b><br>+<br>_ |
|--------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Giáp</b> +<br><b>Ất</b> _   | <b>1</b>            | <b>2</b>           | <b>51</b><br><b>52</b>  | <b>41</b><br><b>42</b>    | <b>31</b><br><b>32</b>  | <b>21</b><br><b>22</b>   | <b>11</b><br><b>12</b>   |
| <b>Bính</b> +<br><b>Đinh</b> _ | <b>13</b>           | <b>14</b>          | <b>3</b><br><b>4</b>    | <b>53</b><br><b>54</b>    | <b>43</b><br><b>44</b>  | <b>33</b><br><b>34</b>   | <b>23</b><br><b>24</b>   |
| <b>Mậu</b> +<br><b>Kỷ</b> _    | <b>25</b>           | <b>26</b>          | <b>15</b><br><b>16</b>  | <b>5</b><br><b>6</b>      | <b>55</b><br><b>56</b>  | <b>45</b><br><b>46</b>   | <b>35</b><br><b>36</b>   |
| <b>Canh</b> +<br><b>Tân</b> _  | <b>37</b>           | <b>38</b>          | <b>27</b><br><b>28</b>  | <b>17</b><br><b>18</b>    | <b>7</b><br><b>8</b>    | <b>57</b><br><b>58</b>   | <b>47</b><br><b>48</b>   |
| <b>Nhâm</b> +<br><b>Quý</b> _  | <b>49</b>           | <b>50</b>          | <b>39</b><br><b>40</b>  | <b>29</b><br><b>30</b>    | <b>19</b><br><b>20</b>  | <b>9</b><br><b>10</b>    | <b>59</b><br><b>60</b>   |

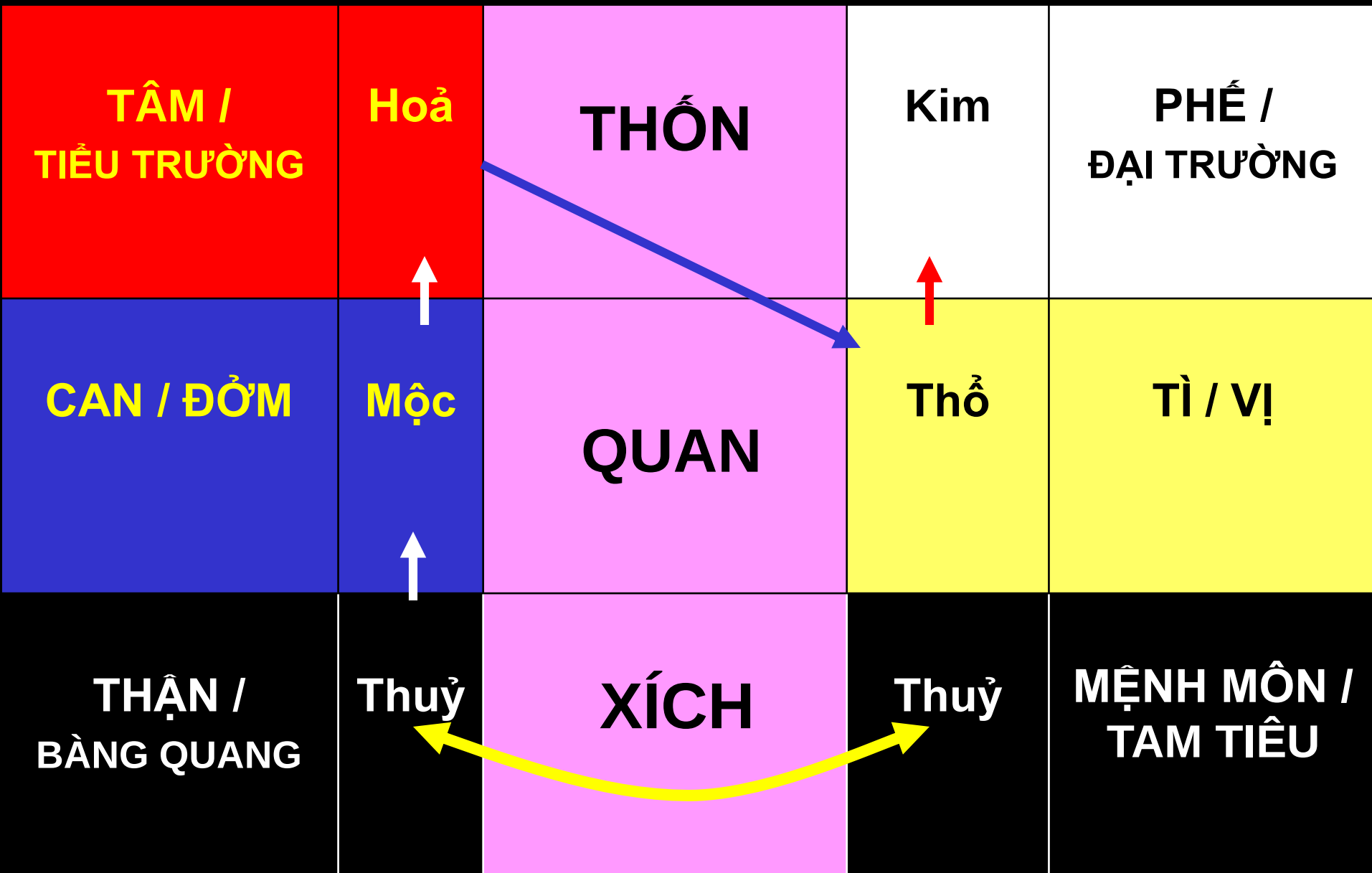
**\* Ban có biết ?**

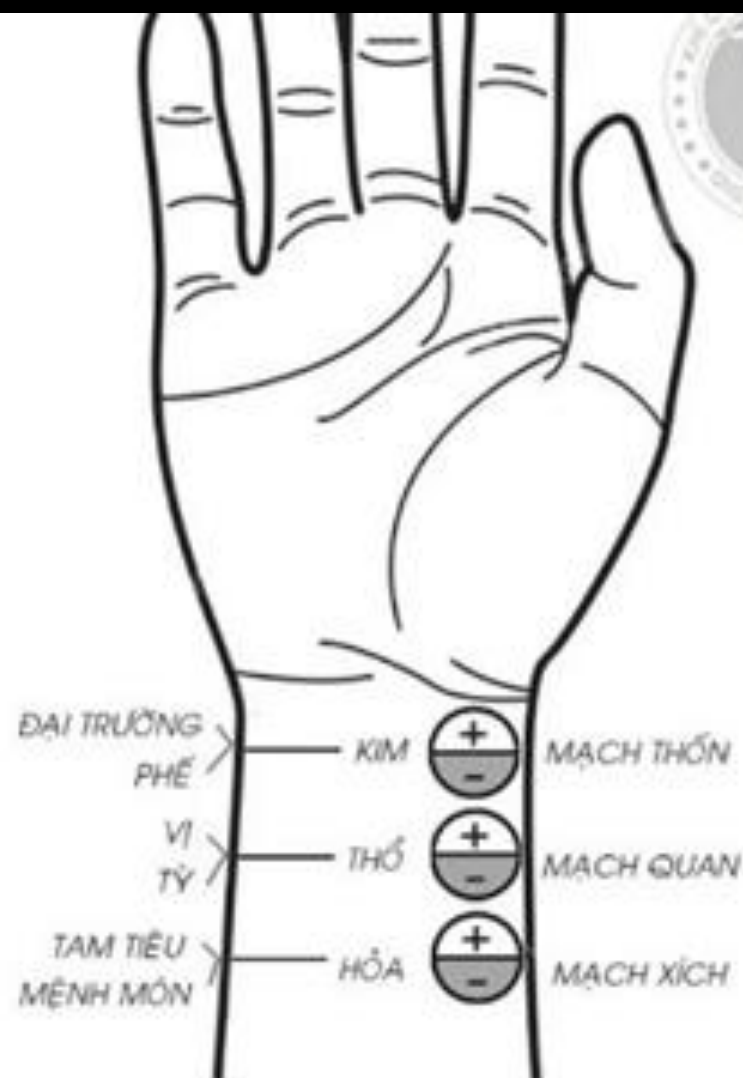
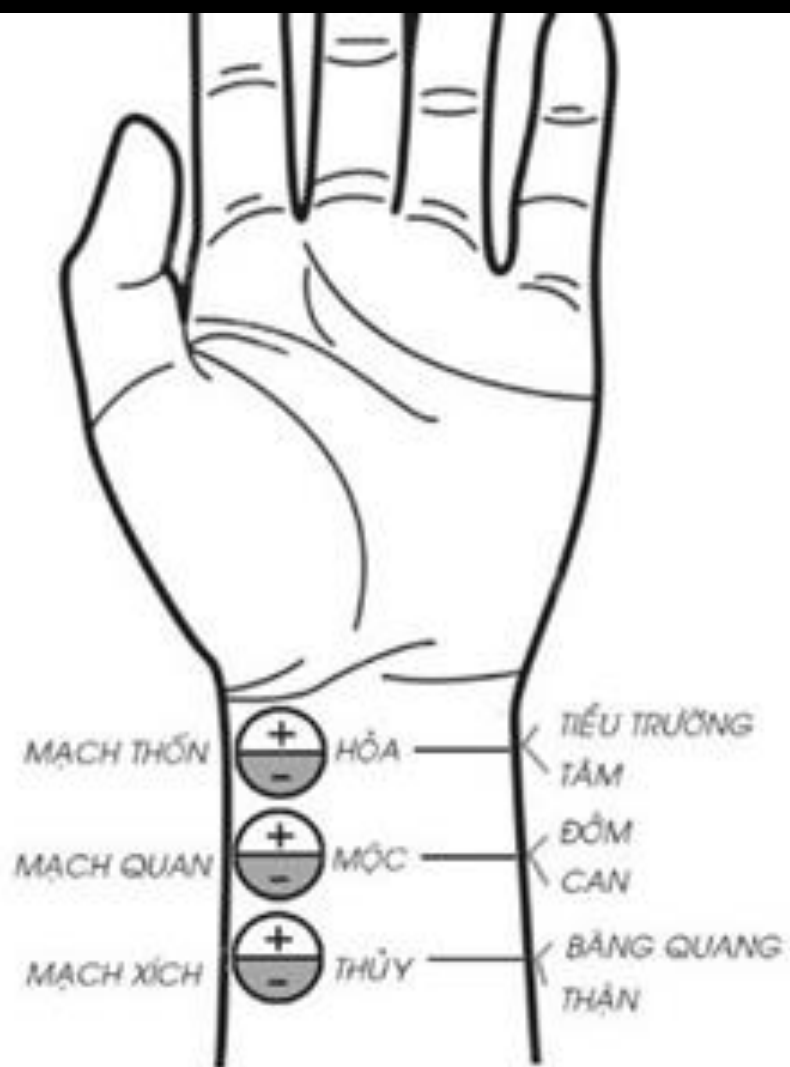
**Trước khi Dương lịch (phương Tây)  
xuất hiện ở Việt Nam,  
cha ông ta tính và đếm thời gian  
như thế nào ?**

# **Nhận thức con người tự nhiên (theo Âm Dương và Ngũ hành)**

| Ngũ Hành<br>cơ thể | THỦY          | MỘC              | HOẢ            | THỔ                  | KIM             |
|--------------------|---------------|------------------|----------------|----------------------|-----------------|
| Tạng (-)           | thận          | can              | tâm            | tỳ                   | phế             |
| Phủ (+)            | bàng<br>quang | đờm              | tiểu<br>trường | vị                   | đại<br>trường   |
| Chủ quản           | xương,<br>tuỷ | gân              | huyết,<br>mạch | thịt                 | khí             |
| Phần dư            | răng          | móng             | tóc            |                      |                 |
| Khai<br>khiếu      | tai           | mắt              | lưỡi           | miệng                | da lông         |
| Tình chí           | sợ /<br>rên   | giận /<br>la hét | mừng /<br>hát  | lo lắng/<br>bần thần | thương/<br>khóc |

# Bộ mạch theo Ngũ Hành





# **Triết lí hiện đại: Học thuyết Mác**

- **Xem lại học phần**
- **“Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin”**

## \* Nguồn gốc:

|                         |                                            |
|-------------------------|--------------------------------------------|
| <b>Tiền đề khoa học</b> | Thuyết bảo toàn và chuyển hóa năng lượng   |
|                         | Thuyết tiến hóa của Đác Uyn                |
|                         | Thuyết tế bào học                          |
| <b>Tiền đề lí luận</b>  | Triết học Đức, phép biện chứng của Hê ghen |

## \* Nội dung:

- Nhận thức thế giới tự nhiên
- Nhận thức lịch sử xã hội
- Nhận thức con người
- Nhận thức về kinh tế